TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-ST
Ngày: 08-6-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Trần Phi Hùng

2.Ông Đặng Hoàng Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: số A, phường CN, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP A: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông La Thiên T, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Cà Mau.

Người nhận ủy quyền của ông La Thiên T: Bà Đoàn Thúy V là chuyên viên xử lý nợ chi nhánh Cà Mau (có mặt).

Theo văn bản ủy quyền ngày 30/11/2020

2. Bị đơn:

2.1. Ông Hữu Thanh N, sinh năm 1987 (vắng mặt)

2.2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 30/11/2020 cũng như tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng TMCP A trình bày:*

Ngày 14/6/2018 ông N, bà T và Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng) có

ký hợp đồng tín dụng số HDTD9332018325 để vay số tiền là 115.000.000 đ (Một trăm mười lăm triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 13%/năm và điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định Ngân hàng, lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, gốc lãi trả hàng tháng. Mục đích vay tiền của ông N và bà T là vay tiêu dùng.

Quá trình vay ông N, bà T đã thanh toán được một phần vốn và lãi với số tiền 56.514.798 đồng, số tiền còn lại ông bà không thanh toán theo hợp đồng đã ký với ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông N, bà T thanh toán nợ nhưng ông N, bà T không thực hiện.

Nay, Ngân hàng TMCP A yêu cầu ông N, bà T có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 08/6/2021 là 94.348.536 đồng, trong đó nợ gốc là 78.572.692 đồng, nợ lãi là 15.775.844 đồng. Đồng thời ông N, bà T có nghĩa vụ thanh toán lãi phát sinh đến khi trả dứt nợ theo hợp đồng đã ký với Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu ông Hữu Thanh N và bà Trần Thị T phải thanh toán số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số HDTD9332018325 ngày 14/6/2018 nên đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông N, bà T có địa chỉ tại ấp B, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho ông N, bà T nhưng ông bà vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N, bà T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu ông N, bà T có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền vay còn nợ là 94.348.536 đồng. Xét việc ông N, bà T vay tiền của Ngân hàng là thực tế có xảy ra. Bởi vì, ông N và bà T có trực tiếp ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD9332018325 ngày 14/6/2018 với Ngân hàng để vay số tiền vốn là 115.000.000 đồng, lãi suất vay là 13%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ngân hàng thừa nhận thời gian vay ông N, bà T có thanh toán được số tiền nợ gốc là 36.427.308 đồng và số tiền lãi là 20.087.490 đồng, còn lại số tiền nợ vốn và lãi 94.348.536 đồng theo hợp đồng đã ký tính đến ngày 08/6/2021 ông N, bà T chưa

thanh toán. Đồng thời, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án có thông báo thụ lý và tống đạt hợp lệ cho ông N, bà T biết nội dung yêu cầu của ngân hàng về số nợ vay nhưng ông bà không có ý kiến bằng văn bản về yêu cầu của Ngân hàng. Đồng thời, ông bà vắng mặt trong quá trình hòa giải, xét xử không có lý do.

Từ những căn cứ nêu trên buộc ông N, bà T có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay theo yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp, cụ thể như sau: Buộc ông N, bà T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền vay tính đến ngày 08/6/2021 là 94.348.536 đồng, trong đó tiền vốn là 78.572.692 đồng, lãi tính đến ngày 08/6/2021 là 15.775.844 đồng.

[4] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Xét, hợp đồng tín dụng số HDTD9332018325 ngày 14/6/2018 có quy định lãi suất. Do đó, kể từ ngày 09/6/2021 ông N, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hữu Thanh N, bà Trần Thị T phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A Việt về việc yêu cầu ông Hữu Thanh N, bà Trần Thị T thanh toán nợ vay theo hợp đồng tín dụng số HDTD9332018325 ngày 14/6/2018.

1. Buộc ông Hữu Thanh N, bà Trần Thị T thanh toán nợ vay cho Ngân hàng TMCP A theo hợp đồng tín dụng số HDTD9332018325 ngày 14/6/2018 với tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 08/6/2021 là 94.348.536 đ (Chín mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng).

2. Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày 09/6/2021 ông Hữu Thanh N, bà Trần Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hữu Thanh N, bà Trần Thị T phải nộp 4.717.500 đ *(Bốn triệu bảy trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).*

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí, ngày 18/12/2020 Ngân hàng có dự nộp 2.197.000 đ (*Hai triệu một trăm chín mươi bảy nghìn đồng)* theo biên lai số 0011399 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang